TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:141/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Liêm,

Ông Trần Thanh Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 396/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thái B, sinh năm 1975; địa chỉ: số 50/9 Bà Lê Chân, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; có văn bản xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: số 33, ấp M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; có văn bản xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Trần Thái B trình bày: Ông và bà Lê Thị N, do quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn và sống chung với nhau đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, tính tình không hợp nhau, trong thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, thường xuyên mâu thuẫn không thể giải quyết được, cả hai cố gắng tìm cách hàn gắn nhưng không thể nào sống chung được nữa và ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị N; về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Trần Quốc X, sinh ngày 31/12/2004 (đã

trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết), Trần Khánh D, sinh ngày 21/02/2009, Trần Thị Ánh N, sinh ngày 03/01/2011, các con đang sinh sống với bà Lê Thị N, khi ly hôn ông B đồng ý để vợ tiếp tục nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: không có.

Bị đơn bà Lê Thị N trình bày: đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Trần Thái B lý do sống chung với nhau không hợp nhau; hai người sống chung với nhau như vợ như chồng, không có đăng ký kết hôn; về con chung: có 03 con chung là Trần Quốc X, sinh ngày 31/12/2004(đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết), Trần Khánh D, sinh ngày 21/02/2009, Trần Thị Ánh N, sinh ngày 03/01/2011, các con đang sinh sống với bà Lê Thị N, khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Thái B khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về ly hôn với bà Lê Thị N. Bà N có nơi cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông Trần Thái B, bà Lê Thị N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Trần Thái B và bà Lê Thị N hai người chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật cho nên quan hệ hôn nhân giữa hai người không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, khi có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì Tòa án không công nhận vợ chồng là phù hợp với Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Ông Trần Thái B và bà Lê Thị N xác định hai người có 03 con chung là Trần Quốc X, sinh ngày 31/12/2004(đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết), Trần Khánh D, sinh ngày 21/02/2009, Trần Thị Ánh N, sinh ngày 03/01/2011, các con đang sinh sống với bà Lê Thị N, khi ly hôn ông Trần Thái B và bà Lê Thị N thống nhất là Lê Thị N được tiếp tục nuôi con chung là Trần Khánh D, Trần Thị Ánh N, ông Trần Thái B không phải cấp dưỡng nuôi con;

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: không có nên không xét đến.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thái B.

1) Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Thái B và bà Lê Thị N là vợ chồng do hai người chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

2) Về quan hệ con chung: có 03 con chung là Trần Quốc X, sinh ngày 31/12/2004(đã trưởng thành, không yêu cầu tòa án giải quyết), Trần Khánh D, sinh ngày 21/02/2009, Trần Thị Ánh N, sinh ngày 03/01/2011, các con đang sinh sống với bà Lê Thị N, khi ly hôn ông Trần Thái B và bà Lê Thị N thống nhất là Lê Thị N được tiếp tục nuôi con chung là Trần Khánh D, Trần Thị Ánh N, ông Trần Thái B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Thái B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4) Về nợ chung: không có nên không xét đến.

5) Về án phí: Ông Trần Thái B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013711 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông Trần Thái B đã nộp đủ.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng